TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2025/TLST–DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐXXST–DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Đăng T1, sinh năm 1972
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp B, xã T, Thành phố H.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L
Địa chỉ trụ sở: khu phố N, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp S, xã T, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Vạn L, sinh năm 1975 – Chức danh: Giám đốc
Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp N, xã T, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1974
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp B, xã T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 trình bày:

Vào ngày 10/3/2002 ông Ngô Đăng T1 có thỏa thuận mua của ông Ngô Đăng H phần đất có diện tích 68m^2 thuộc một phần thửa 4831, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu chỉnh lý 1992) tương ứng một phần thửa 93, tờ bản đồ số 60 (BĐĐC), tại xã T, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H. Sau khi thanh toán đủ số tiền mua bán thì ông T1 đã nhận đất sử dụng và tiến hành xây dựng nhà ở trên đất từ năm 2002 đến nay. Tuy nhiên, các bên vẫn chưa tiến hành thủ tục chuyển nhượng công chứng và sang tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Do không am hiểu các quy định về thủ tục tách thửa và hợp thức hóa nhà đất đã mua nên ngày 28/7/2023 ông T1 đã ký kết "Hợp đồng dịch vụ" với Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L (sau đây gọi tắt là Công ty L) do bà Nguyễn Thị Vạn L là người đại diện theo pháp luật. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng thì Công ty L có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ hợp thức hóa nhà (sổ hồng) cho ông T1 trong thời gian từ 05 tháng đến 06 tháng với giá dịch vụ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng); ông T1 có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hồ sơ nhà đất và thanh toán chi phí cho Công ty L theo thỏa thuận.

Ngày 28/7/2023 ông T1 đã thanh toán trước cho Công ty L do bà L trực tiếp nhận số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng); đồng thời sau đó ông T1 cũng đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp toàn bộ hồ sơ nhà đất cho Công ty L. Thế nhưng kể từ khi nhận được đầy đủ giấy tờ nhà đất cho đến nay đã hết hạn thực hiện hợp đồng thì Công ty L vẫn không hoàn thành công việc như thỏa thuận. Công ty L cũng không hoàn trả cho ông T1 số tiền dịch vụ đã nhận mặc dù ông T1 đã nhiều lần liên hệ đề nghị.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy "Hợp đồng dịch vụ" ngày 28/7/2023 được ký kết giữa ông T1 với Công ty L và yêu cầu Công ty L phải hoàn trả cho ông T1 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cùng với tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm từ ngày 29/01/2024 đến nay, tạm tính đến ngày 29/12/2024 là 4.125.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông T1 có vợ là bà Trịnh Thị T2, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố H nay là Ủy ban nhân dân xã K, thành phố H. Số tiền ông T1 sử dụng để thanh toán chi phí dịch vụ cho Công ty L là tiền chung của vợ chồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng Công ty L vẫn vắng mặt, không rõ lý do; Công ty L cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đăng T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T2 trình bày:

Bà Trịnh Thị T2 là vợ của ông Ngô Đăng T1. Bà T2 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đăng T1.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty L phải trả cho ông T1 tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền đã nhận 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/01/2024 đến nay. Đồng thời, ông T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy "Hợp đồng dịch vụ" ngày 28/7/2023 được ký kết giữa ông T1 với Công ty L và yêu cầu Công ty L phải hoàn trả cho ông T1 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Bị đơn Công ty L vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T2 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đăng T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đăng T1 về việc yêu cầu Công ty L phải trả cho ông T1 tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền đã nhận 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/01/2024 đến nay.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đăng T1. Tuyên "Hợp đồng dịch vụ" ngày 28/7/2023 được ký kết giữa ông T1 với Công ty L vô hiệu. Buộc Công ty L phải hoàn trả cho ông T1 và bà T2 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L; bị đơn có trụ sở tại thị trấn T, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm

vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty L phải trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền đã nhận 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/01/2024 đến nay. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Bị đơn Công ty L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ "Hợp đồng dịch vụ" ngày 28/7/2023 được Công ty L và ông Ngô Đăng T1 ký kết có cơ sở xác định Công ty L có nhận dịch vụ hợp thức hóa nhà đất theo yêu cầu của ông Ngô Đăng T1 với thời gian thực hiện công việc là từ 05 tháng đến 06 tháng; chi phí dịch vụ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

[3.2]. Căn cứ khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì doanh nghiệp có các quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm, nhưng phải có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề, đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì hoạt động pháp luật thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Đối chiếu với quy định trên thì công việc dịch vụ mà Công ty L và ông T1 thỏa thuận thực hiện là công việc có liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật về thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ xã T, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H cho ông T1 nên Công ty L cần phải đáp ứng đủ điều kiện về ngành nghề kinh doanh hoạt động pháp luật theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc thỏa thuận.

[3.3]. Theo nội dung được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (*https://dichvuthongitn.dkkd.gov.vn/*) thì ngành nghề kinh doanh mà Công ty L đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gồm:

- Xây dựng nhà để ở có mã ngành, nghề kinh doanh là 4101;

- Xây dựng nhà không để ở có mã ngành, nghề kinh doanh là 4102;

- Xây dựng công trình điện có mã ngành, nghề kinh doanh là 4221;

- Xây dựng công trình cấp, thoát nước có mã ngành, nghề kinh doanh là 4222;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác có mã ngành, nghề kinh doanh là 4299;

- Phá dỡ có mã ngành, nghề kinh doanh là 4311;

- Chuẩn bị mặt bằng có mã ngành, nghề kinh doanh là 4312;

- Lắp đặt hệ thống điện (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) có mã ngành, nghề kinh doanh là 4321;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) có mã ngành, nghề kinh doanh là 4329;

- Hoàn thiện công trình xây dựng có mã ngành, nghề kinh doanh là 4330;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác có mã ngành, nghề kinh doanh là 4390;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng có mã ngành, nghề kinh doanh là 4663 (Chi tiết bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, véc-ni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);

- Hoạt động chính là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan có mã ngành, nghề kinh doanh là 7110 (Chi tiết: Lập dự án đầu tư, đo đạc bản đồ, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu công trình đường bộ, Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, Thiết kế cấp, thoát nước công trình xây dựng, Thiết kế xử lý nước thải công trình xây dựng, Thiết kế nhiệt, điện lạnh công trình công nghiệp, Khảo sát địa hình công trình xây dựng, Khảo sát địa chất công trình xây dựng, Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp, Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, Thẩm tra thiết kế dự toán công trình, Thẩm tra thiết kế xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải, Thẩm tra thiết kế hệ thống xử lý nước thải, chất thải công trình xây dựng, Thẩm tra thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, Lập dự toán công trình xây dựng, Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật, Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, thủy lợi, Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ kỹ thuật công trình công nghiệp, Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông, Giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình dân dụng – công nghiệp, Tư vấn xây dựng: Quản lý dự án, giám sát thi công, đánh giá sự cố, lập phương án xử lý và đánh giá tác động môi trường công trình (cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, giao thông, điện, kỹ thuật môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị),Tư vấn đấu thầu, Kiểm định chất lượng công trình cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, giao thông, điện, kỹ thuật môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị).

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng có mã ngành, nghề kinh doanh là 7410.

Công ty L không đăng ký kinh doanh ngành nghề hoạt động pháp luật có mã ngành nghề, kinh doanh là 69.

[3.4]. Tại khoản 6 Điều 16 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì các hành vi bị nghiêm cấm gồm: Kinh doanh các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi

chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Như vậy, Công ty L chưa đủ điều kiện kinh doanh hoạt động pháp luật nên việc Công ty L ký Hợp đồng dịch vụ về việc hợp thức hóa nhà đất với ông T1 đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, giao dịch dân sự này vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.5]. Mặt khác, theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H nay là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố H thì Ủy ban không có tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và tiếp nhận Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất 68m^2 thuộc một phần thửa 4831, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu chỉnh lý 1992) tương ứng một phần thửa 93, tờ bản đồ số 60 (BĐĐC), tại địa chỉ Ấp H (Ấp B cũ), xã T, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H do ông Ngô Đăng T1 đứng tên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T1 cũng xác định ông T1 chưa lập văn bản ủy quyền cho Công ty L và cũng chưa từng cùng với Công ty L liên hệ cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất 68m^2 thuộc một phần thửa 4831, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu chỉnh lý 1992) tương ứng một phần thửa 93, tờ bản đồ số 60 (BĐĐC), tại địa chỉ Ấp H (Ấp B cũ), xã T, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H. Ông T1 thừa nhận Công ty L có cử nhân viên thực hiện việc đo vẽ nhà đất, nhưng ông T1 không được Công ty L cung cấp bản vẽ nhà đất này.

Điều đó chứng tỏ kể từ khi hợp đồng dịch vụ được Công ty L xác lập với ông T1 ngày 28/7/2023 thì đến nay Công ty L vẫn chưa thực hiện và hoàn thành bất kỳ công việc nào có liên quan đến công việc dịch vụ đã thỏa thuận nên không làm phát sinh chi phí thù lao.

[3.6]. Căn cứ "Phiếu thu" ngày 28/7/2023 thì Công ty L có nhận của ông T1 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Nội dung thu được ghi nhận trong phiếu thu trên là tiền thu từ việc đặt cọc hợp thức hóa nhà.

Do hợp đồng dịch vụ ngày 28/7/2023 bị vô hiệu và Công ty L chưa thực hiện công việc làm phát sinh chi phí thù lao nên căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc Công ty L phải hoàn trả cho ông T1 chi phí dịch vụ đã nhận là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Đối với các giấy tờ, tài liệu mà ông T1 đã cung cấp cho Công ty L để thực hiện công việc thì tại phiên tòa ông T1 xác nhận chỉ giao tài liệu là bản photo và không có yêu cầu Công ty L hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao trả các tài liệu này.

[3.7]. Về lỗi dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy các bên đều có lỗi ngang nhau. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại khi giao dịch dân sự vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.8]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty L do bà Nguyễn Thị Vạn L đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền dịch vụ đã nhận, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do Công ty L không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như Công ty L chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.9]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đăng T1.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn Công ty L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 16 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L phải trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền đã nhận 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/01/2024 đến nay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đăng T1 đối với Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

2.1. Tuyên bố "Hợp đồng dịch vụ" ngày 28/7/2023 được xác lập giữa Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L và ông Ngô Đăng T1 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

2.2. Buộc Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Đăng T1 và bà Trịnh Thị T2 số tiền đã nhận là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn lại cho ông Ngô Đăng T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.228.125 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051924 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương